

10:43, 01/04/2021

Mục Lục Cách nói “ngu ngốc” trong tiếng Hàn Cách nói trang trọng Cách nói tiêu chuẩn Cách nói thân mật, suồng sã

Cách nói “ngu ngốc” trong tiếng Hàn

Có hai cách chính để nói “ngu ngốc” trong tiếng Hàn. Một cái dựa trên danh từ và cái kia dựa trên tính từ. Chúng ta sẽ đi tìm hiểu cả hai.

Bạn đang xem: Babo là gì

Tính từ “ngu ngốc” là 멍청하다 (**meongcheonghada**). Từ này thường được sử dụng khi nói các câu như “điều đó thực sự ngu ngốc”.

멍청합니다 (**meongcheonghamnida**)

Cách nói trang trọng

1. 멍청합니다 (**meongcheonghamnida**) 2. 바보입니다 (**baboimnida**)

Trong các tình huống trang trọng như khi thuyết trình hay phỏng vấn xin việc, có lẽ bạn sẽ không muốn sử dụng những từ này. Tuy nhiên nếu bắt buộc phải sử dụng bạn có thể dùng những hình thức phía trên của “ngu ngốc”.

Ví dụ:

그의 형은 똑똑한데 반해 그는 멍청합니다

(*geuui hyeongeun ttokttokande banhae geuneun meongcheonghamnida*)

Trái ngược với người anh thông minh, anh thật ngu ngốc.

바보처럼 보이고 싶지 않습니다 (*babocheoreom boigo sipji anseumnida*)

Tôi không muốn trông ngu ngốc.

Cách nói tiêu chuẩn

1. 멍청해요 (**meongcheonghaeyo**) 2. 바보예요 (**baboyeyo**)

Bạn có thể sử dụng cách nói này khi nói chuyện với những người lớn tuổi hoặc không đặc biệt gần gũi thân thiết với bạn. Hãy nhớ rằng thật không hay khi gọi ai đó là ngu ngốc, vì vậy hãy cẩn thận khi sử dụng những từ này!

Ví dụ: 두 친구 중 하나는 매우 멍청해요.

Xem thêm: Nghĩa Của Từ Acct Là Gì ? Định Nghĩa, Ví Dụ, Giải Thích Nghĩa Của Từ Acct Trong Tiếng Việt

(*du chingu jung hananeun maeu meongcheonghaeyo*)

Trong số hai người bạn, một người rất ngu ngốc.

아무 여자나 믿는 남자는 바보예요 (*amu yeojana minneun namjaneun baboyeyo*)

Một người đàn ông thật ngu ngốc khi tin tưởng bất kỳ người phụ nữ nào.

Cách nói thân mật, suồng sã

1. 멍청해 (**meongcheonghae**) 2. 바보야 (**baboya**)

Bạn có thể sử dụng cách nói này với những người gần gũi với bạn và những người ở độ tuổi tương tự hoặc trẻ hơn.

Ví dụ:

남자들은 너무 멍청해 (*namjadeureun neomu meongcheonghae*)

Đàn ông thật là ngu ngốc.

너 바보야? (*neo baboya?*)

Bạn có ngốc không?

Cách nói một người ngu ngốc

Để nói ngu ngốc trong trường hợp này, bạn có thể thay đổi 멍청하다 (**meongcheonghada**) thành 멍청한 (**meongcheonghan**).

Xem thêm: Tổng Quan Về Vũ Khí Của Pháp Sư Tên Là Gì? Mức Phạt Khi Sử Dụng Hung Khí, Vũ Khí

Ví dụ:

멍청한 사람 (meongcheonghan saram) – Người ngu ngốc

멍청한 남자 (meongcheonghan namja) – Người đàn ông ngu ngốc

멍청한 것 (meongcheonghan geot) – Điều ngu ngốc

바보 (babo)

Một từ khác thường được sử dụng trong tình huống này là danh từ 바보 (babo)

Bạn có thể sử dụng từ này nếu bạn muốn gọi ai đó là ngu ngốc.

Bây giờ bạn đã biết cách nói “ngu ngốc” bằng tiếng Hàn, bạn hãy thể hiện bản thân nhiều hơn.

Hãy cho chúng tôi biết khi bạn cảm thấy ngu ngốc, và những gì bạn có thể làm để giúp đỡ khi những người khác cảm thấy ngu ngốc. Khi biết thêm tiếng Hàn, tất cả chúng ta có thể giúp nhau trở nên tự tin hơn phải không nào!

Chuyên mục: HOT

THEO DÕI <https://tuhoangmobile.com/> ĐỂ CẬP NHẬT THÊM CÁC THÔNG TIN MỚI KHÁC NHÉ.

The post [Babo Là Gì ? Babo Có Nghĩa Là Gì](#) first appeared on [TỨ HOÀNG MOBILE](#).

via TỨ HOÀNG MOBILE <https://tuhoangmobile.com/babo-la-gi-babo-co-nghia-la-gi/>